



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2019



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cách	Thành viên

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Đức Trị	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Hòa Châu	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

36 Phố Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ** **Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành



Đã Nẵng, ngày 20 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00162-19-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.140.997.321.318</b>	<b>1.070.586.598.592</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>20.895.071.560</b>	<b>22.653.298.944</b>
Tiền	111		20.895.071.560	22.653.298.944
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14.090.680.083</b>	<b>14.090.680.083</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	14.090.680.083	14.090.680.083
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>483.477.343.707</b>	<b>289.854.156.598</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	436.382.397.564	251.912.306.577
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.229.596.969	35.121.527.455
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		657.400.000	652.400.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	7.447.817.963	7.407.791.355
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(5.239.868.789)	(5.239.868.789)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>589.310.105.663</b>	<b>717.974.779.467</b>
Hàng tồn kho	141		589.310.105.663	717.974.779.467
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.224.120.305</b>	<b>26.013.683.500</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	8.918.200.686	5.977.429.205
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.305.919.619	20.036.254.295

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>582.027.354.992</b>	<b>624.141.066.762</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.267.590.930</b>	<b>1.596.552.619</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		926.400.000	514.300.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.341.190.930	1.082.252.619
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>516.785.930.686</b>	<b>561.673.770.846</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	514.946.826.998	559.358.424.700
Nguyên giá	222		1.286.950.657.719	1.251.335.716.588
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(772.003.830.721)	(691.977.291.888)
Tài sản cố định vô hình	227	15	1.839.103.688	2.315.346.146
Nguyên giá	228		9.485.881.773	9.406.186.773
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.646.778.085)	(7.090.840.627)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.053.731.468</b>	<b>700.431.824</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	3.053.731.468	700.431.824
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>40.800.423.157</b>	<b>44.410.493.086</b>
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	44.778.900.000	44.778.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(23.067.178.843)	(19.457.108.914)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	905.000.000	905.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.119.678.751</b>	<b>15.759.818.387</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	17.119.678.751	15.759.818.387
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.723.024.676.310</b>	<b>1.694.727.665.354</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.333.714.228.878</b>	<b>1.279.791.263.480</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.064.248.833.935</b>	<b>991.303.981.736</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	190.072.008.533	225.599.479.955
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.929.662.645	10.813.414.545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	7.184.367.905	8.270.850.431
Phải trả người lao động	314		220.728.636.210	240.627.244.930
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.988.375.258	3.303.815.006
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	13.690.624.772	13.463.120.606
Vay ngắn hạn	320	22(a)	555.816.807.145	435.402.578.503
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	70.838.351.467	53.823.477.760
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>269.465.394.943</b>	<b>288.487.281.744</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		13.403.112.308	15.294.587.874
Vay dài hạn	338	22(b)	256.062.282.635	273.192.693.870
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>389.310.447.432</b>	<b>414.936.401.874</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>389.310.447.432</b>	<b>414.936.401.874</b>
Vốn cổ phần	411	25	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	110.084.210.730	94.980.528.117
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.226.236.702	94.955.873.757
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	809.662.261
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		54.226.236.702	94.146.211.496
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.723.024.676.310</b>	<b>1.694.727.665.354</b>

Ngày 20 tháng 8 năm 2019

Người lập:

*Đặng Thị Oanh Nữ*

Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:

*Nguyễn Văn Cường*

Nguyễn Văn Cường  
 Kế toán trưởng



*Nguyễn Đứơc Trì*  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.983.463.753.530	1.993.578.564.765
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		372.857.902	825.897.590
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1.983.090.895.628</b>	<b>1.992.752.667.175</b>
Giá vốn hàng bán	11		1.830.399.281.848	1.845.222.752.817
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>152.691.613.780</b>	<b>147.529.914.358</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	10.851.176.528	9.244.989.143
Chi phí tài chính	22	31	21.760.630.250	17.718.626.424
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.852.459.720	11.843.775.733
Chi phí bán hàng	25	32	32.711.075.284	37.427.207.764
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	52.590.114.213	54.301.983.676
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>56.480.970.561</b>	<b>47.327.085.637</b>
Thu nhập khác	31	34	1.023.160.653	3.156.602.977
Chi phí khác	32	35	949.906.733	1.032.257.300
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>73.253.920</b>	<b>2.124.345.677</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>56.554.224.481</b>	<b>49.451.431.314</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	2.327.987.779	2.613.005.364
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>54.226.236.702</b>	<b>46.838.425.950</b>

Ngày 20 tháng 8 năm 2019

Người lập:

*Dang Thi Oanh Nu*

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

*Nguyen Van Cuong*

Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng



*Nguyen Duc Tri*

Nguyễn Đức Trí  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>56.554.224.481</b>	<b>49.451.431.314</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		83.328.844.608	59.950.951.869
Các khoản dự phòng	03		3.610.069.929	(1.790.830.467)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.031.778.788	6.603.737.142
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.217.886.411)	(5.573.640.946)
Chi phí lãi vay	06		13.852.459.720	11.843.775.733
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>156.159.491.115</b>	<b>120.485.424.645</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(200.834.906.119)	(72.277.766.444)
Biến động hàng tồn kho	10		128.664.673.804	(8.764.625.283)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(61.550.565.864)	100.774.434.516
Biến động chi phí trả trước	12		(2.706.717.039)	(2.741.626.104)
			<b>19.731.975.897</b>	<b>137.475.841.330</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.804.559.406)	(12.198.759.219)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.269.064.211)	(3.575.384.772)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		254.079.435	71.067.527
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.841.396.872)	(17.995.992.221)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.928.965.157)</b>	<b>103.776.772.645</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(44.761.784.505)	(115.209.373.925)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		145.545.454	5.383.478.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(830.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		412.900.000	4.768.271.529
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.298.499.699	1.494.121.640
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(43.734.839.352)</b>	<b>(103.563.502.574)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.433.695.349.189	1.468.603.136.303
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.331.703.087.064)	(1.417.064.978.106)
Tiền trả cổ tức	36		(56.086.685.000)	(44.832.234.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>45.905.577.125</b>	<b>6.705.924.197</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.758.227.384)</b>	<b>6.919.194.268</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>22.653.298.944</b>	<b>9.877.011.101</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>20.895.071.560</b>	<b>16.796.205.369</b>

Ngày 20 tháng 8 năm 2019

Người lập:   
 Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:   
 Nguyễn Văn Cường  
 Kế toán trưởng

   
 Nguyễn Đức Trị  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2019: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 9.182 nhân viên (1/1/2019: 8.610 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### **(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số máy móc, thiết bị từ 7 năm xuống còn 5 năm để phản ánh hợp lý hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Nếu Tổng Công ty tiếp tục khấu hao các máy móc thiết bị này trong thời gian 7 năm, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và chi phí khấu hao cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày sẽ cùng giảm 22.314 triệu VND. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày sẽ cùng tăng 21.198 triệu VND.

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	51.247.232	162.577.000
Tiền gửi ngân hàng	20.843.824.328	22.490.721.944
	20.895.071.560	22.653.298.944

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2019</b>		<b>1/1/2019</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	14.090.680.083	14.090.680.083	14.090.680.083	14.090.680.083
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	905.000.000	(*)	905.000.000	(*)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,4% đến 7,3% (2018: từ 6,4% đến 7,3%) một năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 6% đến 6,8% (2018: từ 6% đến 6,2%) một năm.

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào:

**Công ty con**

Địa chỉ	30/6/2019				1/1/2019					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(1.446.204.980)	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(1.989.201.844)
Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(3.879.130.740)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(4.261.810.124)
Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Quảng Nam	2.652.000	51,00%	51,00%	26.520.000.000	(7.112.752.457)	2.652.000	51,00%	51,00%	26.520.000.000	(2.636.802.891)
Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(229.988.558)	-	100%	100%	2.000.000.000	(170.191.947)
<b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ</b>				<b>44.778.900.000</b>	<b>(12.668.076.735)</b>				<b>44.778.900.000</b>	<b>(9.058.006.806)</b>

**Công ty liên kết**

Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>				<b>10.428.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>				<b>10.428.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2019				1/1/2019						
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đơn vị khác</b>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.399.102.108)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.399.102.108)</u>
					<u>62.962.602.000</u>	<u>(23.067.178.843)</u>				<u>62.962.602.000</u>	<u>(19.457.108.914)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Motives (Far East) Limited	128.121.704.280	49.937.802.854
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	65.156.814.723	47.922.242.148
Haggar Clothing Co.	47.173.350.134	12.228.389.708
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	26.090.663.789	34.599.626.692
Supreme International Inc.	13.425.862.481	24.812.541.214
Các khách hàng khác	156.414.002.157	82.411.703.961
	436.382.397.564	251.912.306.577

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 303.000 triệu VND (1/1/2019: 404.524 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	165.074.330	146.031.576
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	65.156.814.723	47.922.242.148
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	2.894.419.545	334.458.025
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	-	3.635.000
	68.216.308.598	48.406.366.749

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước	66.383.355	3.007.885.231
Tạm ứng	840.827.357	681.623.555
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	3.723.280.616	1.267.617.638
Phải thu khác	2.817.326.635	2.450.664.931
	<hr/>	<hr/>
	7.447.817.963	7.407.791.355
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	30/6/2019		1/1/2019		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn						
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Từ 2 năm đến trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	406.124.753	(406.124.753)	-
		<u>5.239.868.789</u>	<u>(5.239.868.789)</u>	<u>5.239.868.789</u>	<u>(5.239.868.789)</u>	<u>-</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi –  
ngắn hạn

(5.239.868.789)

(5.239.868.789)



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Hàng tồn kho**

	Giá gốc	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Hàng mua đang đi trên đường	48.498.407.982	90.807.780.817
Nguyên vật liệu	172.213.239.921	191.262.668.960
Công cụ và dụng cụ	499.774.467	143.048.027
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	234.684.178.903	225.659.469.513
Thành phẩm	125.125.367.553	90.791.545.643
Hàng hóa	192.629.784	291.805.081
Hàng gửi đi bán	8.096.507.053	119.018.461.426
	<hr/>	<hr/>
	589.310.105.663	717.974.779.467

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 295.000 triệu VND (1/1/2019: 193.476 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	276.397.966.806	840.269.107.883	51.042.421.705	6.694.051.100	76.932.169.094	1.251.335.716.588
Tăng trong kỳ	599.616.177	11.168.974.227	442.705.617	154.877.273	1.113.831.801	13.480.005.095
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.552.202.026	20.898.571.301	-	-	49.604.574	26.500.377.901
Thanh lý	(1.094.011.741)	-	(1.513.219.891)	(35.059.091)	-	(2.642.290.723)
Phân loại lại	-	12.159.954.866	(12.159.954.866)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.723.151.142)	-	-	-	-	(1.723.151.142)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>279.732.622.126</b>	<b>884.496.608.277</b>	<b>37.811.952.565</b>	<b>6.813.869.282</b>	<b>78.095.605.469</b>	<b>1.286.950.657.719</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	104.611.396.191	504.380.352.596	26.954.746.061	4.615.851.891	51.414.945.149	691.977.291.888
Khấu hao trong kỳ	8.505.692.317	67.073.932.929	1.873.844.142	447.515.220	4.871.922.542	82.772.907.150
Thanh lý	(1.068.852.999)	-	(1.513.219.891)	(35.059.091)	-	(2.617.131.981)
Phân loại lại	-	911.996.612	(911.996.612)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(129.236.336)	-	-	-	-	(129.236.336)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>111.918.999.173</b>	<b>572.366.282.137</b>	<b>26.403.373.700</b>	<b>5.028.308.020</b>	<b>56.286.867.691</b>	<b>772.003.830.721</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	171.786.570.615	335.888.755.287	24.087.675.644	2.078.199.209	25.517.223.945	559.358.424.700
Số dư cuối kỳ	167.813.622.953	312.130.326.140	11.408.578.865	1.785.561.262	21.808.737.778	514.946.826.998

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 436.151 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 209.479 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 268.517 triệu VND (1/1/2019: 344.715 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 22(a)) và dài hạn (Thuyết minh 22(b)) của Tổng Công ty.

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	9.406.186.773
Tăng trong kỳ	79.695.000
	9.485.881.773
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	7.090.840.627
Khấu hao trong kỳ	555.937.458
	7.646.778.085
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.315.346.146
Số dư cuối kỳ	1.839.103.688

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 3.840 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 3.840 triệu VND).

**16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	700.431.824	23.345.796.656
Tăng trong kỳ	28.853.677.545	104.259.616.346
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(26.500.377.901)	(92.501.277.070)
	3.053.731.468	35.104.135.932



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại nhà máy Tổng Công ty	2.304.890.963	-
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy may Điện Bàn	483.608.685	479.608.685
Khác	265.231.820	220.823.139
	3.053.731.468	700.431.824

**17. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	1.043.330.496	707.261.644
Công cụ và dụng cụ	3.847.553.902	2.283.109.926
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.043.472.222	526.206.093
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.983.844.066	2.460.851.542
	8.918.200.686	5.977.429.205

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	10.863.921.812	4.895.896.575	15.759.818.387
Tăng trong kỳ	5.056.304.794	2.583.885.574	7.640.190.368
Thanh lý	(6.805.377)	-	(6.805.377)
Phân bổ trong kỳ	(4.564.522.170)	(1.709.002.457)	(6.273.524.627)
Số dư cuối kỳ	11.348.899.059	5.770.779.692	17.119.678.751

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	20.914.463.626	17.843.537.499
Hultafors Group AB	16.236.390.433	10.195.414.891
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd.	9.871.561.342	-
D P (Aia) Ltd.	7.935.138.756	-
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.520.047.033	7.581.742.746
Fujian Jung Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	7.433.512.113	7.144.380.502
Manhattan Outdoor Wear Factory Limited	6.464.937.330	8.675.972.079
Kufner Hongkong Limited	3.978.707.825	16.126.370.100
CDI - Cotton Distributors Inc	-	10.343.303.873
Louis Dreyfus Commodities LLC	-	10.317.681.150
Paul Reinhart AG	-	9.339.032.629
RCMA Asia Pte. Ltd.	-	9.318.983.621
Motives (Far East) Limited	910.635.990	7.203.665.452
Các nhà cung cấp khác	108.806.614.085	111.509.395.413
	190.072.008.533	225.599.479.955

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	20.914.463.626	17.843.537.499
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.520.047.033	7.581.742.746
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	1.751.151.724	1.997.574.535
	30.185.662.383	27.422.854.780

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.910.068.018	37.244.483.434	(37.409.003.111)	5.745.548.341
Thuế nhập khẩu	-	502.108.740	(444.257.698)	57.851.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.235.538.145	2.327.987.779	(3.269.064.211)	1.294.461.713
Thuế thu nhập cá nhân	125.244.268	2.764.158.773	(2.802.896.232)	86.506.809
Tiền thuê đất	-	1.917.382.506	(1.917.382.506)	-
Các loại thuế khác	-	357.793.308	(357.793.308)	-
	8.270.850.431	45.113.914.540	(46.200.397.066)	7.184.367.905

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí hoạt động	2.356.265.452	1.562.991.104
Chi phí lãi vay	413.654.892	365.754.578
Các khoản trích trước khác	218.454.914	1.375.069.324
	2.988.375.258	3.303.815.006

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Kinh phí công đoàn	10.220.887.711	9.344.904.621
Bảo hiểm xã hội	-	611.475.067
Bảo hiểm y tế	121.078	109.476.856
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	169.000.000	179.007.118
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	177.735.143	80.577.042
Cổ tức phải trả	869.179.547	705.864.547
Quỹ ái hữu	768.985.878	768.985.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.484.715.415	1.662.829.477
	13.690.624.772	13.463.120.606



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2019	
	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.433.695.349.189	(1.315.227.942.903)	(10.218.370)	520.921.530.848	
Vay dài hạn đến hạn trả	18.341.077.229	(16.475.144.161)	91.107.658	34.895.276.297	
	1.452.036.426.418	(1.331.703.087.064)	80.889.288	555.816.807.145	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3%	238.085.547.475	200.255.975.245
Vay ngân hàng 2 (ii)	USD	3%	114.365.245.954	79.758.862.641
Vay ngân hàng 3 (ii)	USD	3%	86.957.131.083	65.398.475.187
Vay ngân hàng 4 (ii)	USD	3,1%	77.751.913.733	-
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	2,7% - 3,5%	3.561.692.603	56.851.029.859
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	10%	200.000.000	200.000.000
			520.921.530.848	402.464.342.932

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 10), hàng tồn kho (Thuyết minh 13) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).

(ii) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	290.957.558.932	306.130.929.441
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(34.895.276.297)	(32.938.235.571)
	256.062.282.635	273.192.693.870

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,5%	2021	29.250.054.722	36.399.741.052
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	5.124.398.298	7.652.515.295
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5%	2021	2.539.342.167	3.160.429.537
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5%	2021	2.986.974.106	3.659.905.705
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2% - 5,7%	2022	20.732.967.146	23.635.337.003
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	11.676.500.000	13.949.400.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (i) (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	218.647.322.493	217.673.600.849
				290.957.558.932	306.130.929.441

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	53.823.477.760	45.694.840.729
Trích lập trong kỳ	23.602.191.144	26.894.881.621
Tăng khác	254.079.435	71.067.527
Sử dụng trong kỳ	(6.841.396.872)	(18.311.574.940)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	70.838.351.467	54.349.214.937



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

**Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018**

Lợi nhuận thuần trong kỳ  
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển  
Cổ tức (Thuyết minh 27)  
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
	225.000.000.000	81.691.135.310	85.993.936.689	392.685.071.999
	-	-	46.838.425.950	46.838.425.950
	-	13.289.392.807	(13.289.392.807)	-
	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
	-	-	(26.894.881.621)	(26.894.881.621)

**Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019**

Lợi nhuận thuần trong kỳ  
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển  
Cổ tức (Thuyết minh 27)  
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi

	225.000.000.000	94.980.528.117	47.648.088.211	367.628.616.328
	225.000.000.000	94.980.528.117	94.955.873.757	414.936.401.874
	-	-	54.226.236.702	54.226.236.702
	-	15.103.682.613	(15.103.682.613)	-
	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
	-	-	(23.602.191.144)	(23.602.191.144)

**Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019**

	225.000.000.000	110.084.210.730	54.226.236.702	389.310.447.432
--	-----------------	-----------------	----------------	-----------------

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2019 và 1/1/2019		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

**26. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**27. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 45.000 triệu VND cho năm 2017, tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	21.393.496.445	5.165.528.855
Trong vòng hai đến năm năm	92.250.017.540	38.690.182.762
Sau năm năm	147.212.173.938	66.543.021.899
	260.855.687.923	110.398.733.516

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2019</b>		<b>1/1/2019</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	400.252	9.287.932.682	680.672	15.753.922.701
EUR	239	6.287.303	244	6.455.657
		9.294.219.985		15.760.378.358

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	224.659.322.344	50.205.000.000
	224.659.322.344	50.205.000.000



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.298.499.699	1.494.121.640
Cổ tức được chia	1.799.000.000	1.495.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.717.133.287	6.188.328.470
Doanh thu hoạt động tài chính khác	36.543.542	66.939.033
	<hr/>	<hr/>
	10.851.176.528	9.244.989.143
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.852.459.720	11.843.775.733
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.266.321.813	1.796.757.831
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.031.778.788	6.603.737.142
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	3.610.069.929	(2.525.644.282)
	<hr/>	<hr/>
	21.760.630.250	17.718.626.424
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.409.098.126	3.537.652.956
Chi phí vật liệu, bao bì	283.366.383	436.321.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.641.075	41.028.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.425.731.382	23.927.430.474
Chi phí khác	6.538.238.318	9.484.774.508
	32.711.075.284	37.427.207.764

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	28.129.552.786	27.705.377.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.326.274.290	4.500.895.396
Thuế, phí và lệ phí	1.724.165.563	1.411.485.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.115.689.874	9.105.017.808
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	521.432.349
Chi phí khác	10.294.431.700	11.057.775.753
	52.590.114.213	54.301.983.676

**34. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	120.386.712	2.583.919.306
Các khoản thu nhập khác	902.773.941	572.683.671
	1.023.160.653	3.156.602.977

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng	357.281.689	470.169.619
Các khoản chi phí khác	592.625.044	562.087.681
	949.906.733	1.032.257.300

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.036.726.379.481	1.093.464.981.781
Chi phí nhân viên	484.466.512.704	459.551.135.428
Chi phí khấu hao	83.328.844.608	59.950.951.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	243.516.136.182	264.660.288.306

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	2.327.987.779	2.613.005.364



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.554.224.481	49.451.431.314
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	5.655.422.448	4.945.143.131
Ưu đãi thuế	(2.074.026.684)	(1.915.085.167)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	222.762.548	382.054.348
Chi phí không được khấu trừ thuế	81.450.041	174.613.227
Thu nhập không bị tính thuế	(179.900.000)	(149.560.000)
Giảm thuế (*)	(191.564.000)	(66.188.500)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(1.186.156.574)	(757.971.675)
	2.327.987.779	2.613.005.364

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng 150 lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2007 - 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng</b>	
	<b>kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	36.539.052.500	29.231.242.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.618.500.199	905.331.819
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.672.440.142	16.069.962.360
Chi phí lãi vay	3.046.124.377	2.262.970.257
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.852.629.092	2.376.690.292
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.119.326.802	2.127.935.264
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	112.940.768	41.663.242
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.444.389.870	25.695.799.787
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	476.774.048	415.184.646
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.017.113.056	33.146.839.361
<b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	26.628.000	44.360.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.204.876.401	3.207.835.702
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	44.276.762.195	35.850.606.090
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.838.814.391	3.892.836.233
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	336.956.346	246.010.564
Mua hàng hóa và dịch vụ	28.361.738.610	25.860.596.489
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	71.370.437	17.725.105
Mua hàng hóa và dịch vụ	38.758.157.257	46.372.488.993
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.607.000.000	1.285.600.000



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày**  
**30/6/2019**                      **30/6/2018**  
**VND**                                      **VND**

**Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Công ty TNHH Coats Phong Phú**

Mua hàng hóa và dịch vụ                                      10.435.205.946                      11.928.793.813

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Mua hàng hóa và dịch vụ                                      930.434.476                      8.280.000

**Tổng Giám đốc**

Tiền lương và thưởng                                      1.104.076.201                      687.470.747

**Thành viên khác trong Ban điều hành**

Tiền lương và thưởng                                      4.540.360.327                      2.576.917.275

**Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Thù lao                                      742.987.982                      572.771.864

**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30/6/2019**                      **30/6/2018**  
**VND**                                      **VND**

Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ                                      1.799.000.000                      1.495.600.000

**40. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí  
 Tổng Giám đốc

